

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>461 885</b>	<b>117 582</b>	<b>344 303</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>140 357</b>	<b>30 268</b>	<b>110 089</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>15 200</b>	<b>14 638</b>	<b>562</b>			
1	ĐẠM HÀ BẮC	03/5	291/5	10/5	QN 1043	CÁM 4A.1	2 400	2 392	8	04/5	HỘ LỚN	MỐN: 2.382,97
2	ĐẠM HÀ BẮC	04/5	292/5		QN 4330	CÁM 4A.1	1 700	1 692	8	04/5	HỘ LỚN	MỐN: 1.684,08
3	NHÔM LÂM ĐÔNG	01/5	1183/5	10/5	VIỆT THUẬN 10-01	CÁM 5A.1	5 000	4 992	8	04/5	BAUXIT	
4	NHÔM LÂM ĐÔNG	01/5	1183/5	10/5	VIỆT THUẬN 10-01	CỤC 4A.2	4 700	4 163	537	04/5	BAUXIT	
5	KDT HÀ BẮC	02/5	1167/4	12/5	BN 1988	CÁM 5A.1	1 400	1 399	1	04/5	PTCB	GIA HẠN L1
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>23 000</b>	<b>15 630</b>	<b>7 370</b>			
1	KDT MIỀN BẮC	03/5	1188/5	13/5	VTA POSEIDON	CÁM 5A.1	12 100	10 854	1 246	RÓT ĐỔ	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	03/5	1188/5	13/5	VTA POSEIDON	CÁM 5B.1	9 400	4 426	4 974	RÓT ĐỔ	PTCB	
3	VTA	01/5	1138/4	07/5	BN 2308	CỤC XỎ 1C	1 500	350	1 150	RÓT ĐỔ	TD	GIA HẠN L1
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>102 157</b>		<b>102 157</b>			
1	ĐIỆN VINH TẤN 1	04/5	293/5		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	04/5	295/5		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	
3	ĐIỆN VINH TẤN 2	04/5	294/5		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.14	25 180		25 180		HỘ LỚN	
4	NHÔM LÂM ĐÔNG	04/5	1195/5	14/5	VIỆT THUẬN 095-02	CÁM 5A.1	8 800		8 800		BAUXIT	
5	KDT MIỀN BẮC	02/5	1171/4	12/5	BN 2992	CÁM 5A.1	1 900		1 900		PTCB	GIA HẠN L1
6	KDT HÀ BẮC	02/5	1169/4	12/5	BN 2189	CÁM 5A.1	1 400		1 400		PTCB	GIA HẠN L1
7	KDT BẮC TRUNG BỘ	03/5	1189/5	13/5	MINH HẰNG 882	CÁM 5A.1	4 650		4 650		PTCB	
8	KDT MIỀN BẮC	04/5	1152/4	14/5	NB 8104	CÁM 5B.1	2 360		2 360		PTCB	GIA HẠN L1
9	XDCN MỎ	01/5	999/4	07/5	HP 6328	CỤC XỎ 1C	1 967		1 967		TD	GIA HẠN L2
10	VTT	01/5	1090/4	07/5	HP 6400	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11	CROMIT	01/5	1096/4	07/5	HD 2225	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12	V TRACO	01/5	1160/4	07/5	HD 2089	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
13	VTT	01/5	1181/5	07/5	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
14	ĐTTM&DV	02/5	1185/5	09/5	HP 5097	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
15	SXTM TUB	04/5	1197/5	11/5	HP 6123	CÁM 4B.1	1 500		1 500		TD	
	<b>Tàu chuyên tải</b>						<b>170 240</b>	<b>55 631</b>	<b>114 609</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>79 740</b>	<b>55 631</b>	<b>24 109</b>			
1	ĐIỆN VINH TẤN 2	24/4	277/4		PACIFIC 01	CÁM 6A.14	27 690	18 160	9 530	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	KDTCP: 12.000 - CLM: 15.690

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	282/4		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 750	19 585	9 165	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 - KVCP: 5.750
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	284/4		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300	17 886	5 414	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>							<b>90 500</b>		<b>90 500</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/5	298/5		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	04/5	296/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 000		41 000		HỘ LỚN	TTCO: 16.000 - CLM: 15.000 - KDTCP: 10.000
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/5	297/5		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.14	26 200		26 200		HỘ LỚN	KDTCP: 12.000 - CLM: 14.200
<b>II</b>	<b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>						<b>29 406</b>	<b>6 835</b>	<b>22 571</b>			
<i>Tàu đã làm hàng</i>							<b>5 980</b>	<b>5 868</b>	<b>112</b>			
1	MV GLEAMSTAR	28/4	2 081		CÁM PHẢ 21	TNK MOZAMBIQUE	3 880	3 802	78	04/5		
2	MV GLEAMSTAR	29/4	2 109		CỬA ÔNG 14	TNK MOZAMBIQUE	2 100	2 066	34	04/5		
<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>							<b>5 110</b>	<b>967</b>	<b>4 143</b>			
1	XNK THAN	01/5	944/04	07/5	BN 1135	CỤC 1B	910	159	751	RÓT ĐỔ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	MV GLEAMSTAR	29/4	2 109		CỬA ÔNG 15	TNK MOZAMBIQUE	2 100	808	1 292	BỐC ĐỔ		
3	MV GLEAMSTAR	28/4	2 080		CỬA ÔNG 10	TNK MOZAMBIQUE	2 100		2 100			
<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<b>18 316</b>		<b>18 316</b>			
1	THAN MIỀN TRUNG	01/5	1019/4	07/5	TRUNG KIẾN 01	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐTTM&DV	01/5	1020/4	07/5	BN 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	ĐT TM & DV	01/5	1060/4	07/5	BN 2335	CỤC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	VT QUẢNG NINH	01/5	945/04	07/5	BN 0718	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	ĐT TM & DV	01/5	946/04	07/5	BN 1386	CỤC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	VTT	03/5	962/04	10/5	NGÃN SƠN 39	CỤC 1B	2 050		2 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	DVVVT QN	02/5	1030/4	09/5	BN 1718	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
8	THAN MIỀN NAM	02/5	1073/4	09/5	THANH TÙNG 01	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	DVVVT QN	01/5	1132/4	07/5	BN 0937	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	ĐTTM&DV	01/5	1161/4	07/5	BN 0766	CỤC 1B	950		950		TD	NGUỒN CS
11	SXTM TUB	01/5	1176/4	07/5	BN 1883	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	CROMIT	02/5	1177/4	09/5	NB 8530	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	XDCN MỎ	02/5	1179/4	09/5	BN 0719	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
14	KDT BẮC TRUNG BỘ	02/5	1144/4	09/5	NB 2952	CỤC 1A	950		950		TD	NGUỒN ĐN-CS
15	MV BARDONNEX	02/5	2 154		CỬA ÔNG 05	TNK ÚC	2 100		2 100			
<b>III</b>	<b><u>KHO BẢO NGUYỄN</u></b>						<b>6 340</b>	<b>-</b>	<b>6 340</b>			
<i>Tàu đã làm hàng</i>												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	01/5	289/5	11/5	HN 2269	CÁM 5B.10	4 720		4 720		HỘ LỚN	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	01/5	290/5	11/5	QN 4080	CÁM 5A.10	1 620		1 620		HỘ LỚN	
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
1	COALIMEX	03/5	1 193	13/5	HOÀNG ANH 668	CÁM 6A.1	4 290	4 282	8	04/5	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	03/5	1 192	13/5	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585	2 575	10	04/5	PTCB	
3	COALIMEX	04/5	1 194	14/5	VIỆT THUẬN 03-03	CÁM 6A.1	3 200	3 191	9	04/5	PTCB	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	CROMIT	04/5	1 196	14/5	AN LỘC 18	CÁM 6A.1	3 680		3 680		PTCB	
2	SÔNG HỒNG	04/5	1 159	11/5	BN 1826	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
3	DVVT QN	04/5	1 198	11/5	BN 2556	BÙN 3C	1 687		1 687		TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	SINGAPORE				MV HUA ZHENG HAI YANG	CỤC 5B.2	25 000		25 000			
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>											
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
1	ÚC		CLM		MV BARDONNEX		34 000	12 700	21 300	BỐC DỖ		TTCO: 24.000 - KVCP: 10.000
2	ÚC		CLM		MV GENEVA QUEEN		15 000	2 100	12 900	BỐC DỖ		TTCO: 15.000
3	LÀO		CLM		VTA OCEANUS		10 000		10 000			TTCO: 5.000 - KVCP: 5.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	MOZAMBIQUE		CLM		MV MSXT HELEN		15 000		15 000			TTCO: 15.000